

Bản án số: 151/2019/HS-ST

Ngày: 26.9.2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Bùi Tấn Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoài Khanh.

2. Bà Đoàn Thị Liễu.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang*** tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 130/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

**1.** Dương Thị Kiều N, sinh năm 1976 (Tên gọi khác: M); Giới tính: Nữ; Nơi sinh: RG – Kiên Giang; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số 214, đường Q T, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn S1 và bà Trần Thị Ngọc T; Chồng: Lê Văn L; Con ruột: 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

**2.** Huỳnh Thị S, sinh năm 1964 (Tên gọi khác: S T); Giới tính: Nữ; Nơi sinh: RG – Kiên Giang; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số 165/24A, đường Q T, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Đ và bà Lương Thị L1; Chồng: Trần Thanh H (đã ly hôn); Con ruột: 01 người, sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

\* Người làm chứng: Bà Danh Thị P, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Phòng số 5, nhà trọ HT, đường TX, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng đầu tháng 01/2019, Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S bàn với nhau là S sẽ đi bán số đề về giao phối lại cho N để hưởng tiền hoa hồng (tiền cò), còn N sẽ ăn thua với những người mua số đề trong phối đề của S giao. S bán số đề dạng số đầu, số đuôi, bao lô và số đá. Đối với số đầu, đuôi và bao lô 2 con thì tỉ lệ ăn thua là 1/80, số đá thì tỉ lệ ăn thua là 1/600. Đối với “số đầu”, “số đuôi” bán thấp nhất là 1.000 đồng và cao nhất là 50.000 đồng; “bao lô hai con” thấp nhất là 500 đồng, cao nhất là 10.000 đồng; “số đá” thấp nhất là 500 đồng và cao nhất là 3.000 đồng. S bán số đầu, số đuôi được 100.000 đồng thì được hưởng tiền cò 17.000 đồng; bao lô bán được 15.000 đồng thì được hưởng 500 đồng; số đá bán được 30.000 đồng thì được hưởng 2.000 đồng. Hàng ngày, S bán số đề cho nhiều người (không rõ tên thật, địa chỉ) trên địa bàn đường Q T, phường VQ, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đến khoảng 15 giờ 50 phút thì S sẽ tổng hợp lại thành 01 phối đề và sử dụng tài khoản ZALO của S tên “Sau Tam” gửi tin nhắn hình ảnh phối đề đã bán cho N qua tài khoản ZALO của N tên “M” trên điện thoại di động OPPO. Đến ngày hôm sau N và S sẽ gặp nhau để tính toán tiền thắng thua.

Bằng thủ đoạn như vậy, vào ngày 25/01/2019, S bán số đề của hai đài Trà Vinh và Vĩnh Long được tổng cộng số tiền là 5.985.000 đồng, trong đó có bà Danh Thị P (SN: 1976, ngụ: Phòng số 5, nhà trọ HT, đường TX, thành phố Rạch Giá) mua bao lô số 25 đài Trà Vinh và Vĩnh Long, mỗi đài 500 đồng, tổng số tiền mua là 15.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 55 phút, S sử dụng tài khoản ZALO tên “Sau Tam” gửi hình phối đề cho tài khoản ZALO tên “M” của N với số tiền người mua số đề trong phối là 5.985.000 đồng và N đã nhắn lại cho S biết đã nhận phối đề xong. Do những người mua còn thiếu lại tiền nên S chỉ giao cho N tiền bán số đề là 3.000.000 đồng, tiền hoa hồng là 370.500 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi N đang đứng trước trụ điểm lác tài xỉu tại 117/13/50A, Q T, phường VQ, thành phố Rạch Giá thì bị Công an thành phố RG mời về làm việc. Qua kiểm tra điện thoại di động OPPO của N, Cơ quan điều tra phát hiện N và S có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số đề trao đổi qua ZALO nên đã tiến hành điều tra thì cả hai đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Trước khi bị phát hiện trung bình mỗi ngày S bán số đề giao phối cho N số tiền thấp nhất khoảng 1.000.000 đồng, cao nhất khoảng 4.000.000 đồng nhưng không liên tục do S bị bệnh nên có ngày bán, ngày nghỉ. S được hưởng tiền hoa hồng tính đến ngày bị phát hiện tổng cộng khoảng 2.000.000 đồng. Trong thời gian nhận phối đề của S thì N không có lời mà bị thua lỗ nhưng không xác định được cụ thể số tiền bao nhiêu. Đến ngày 11/6/2019, Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố RG khởi tố và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Về vật chứng trong vụ án:

+ 01 (một) điện thoại OPPO, màu vàng, số IMEI: 869125024163359, đã qua sử dụng của bị cáo Dương Thị Kiều N.

+ Tiền Việt Nam: 2.000.000 đồng, do bị cáo Huỳnh Thị S nộp.

Tại bản Cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 01/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Kiều N 18 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập cá nhân của bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị S 12 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập cá nhân của bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại OPPO, màu trắng, số IMEI: 869125024163359 của bị cáo Dương Thị Kiều N dùng vào việc phạm tội và Tiền Việt Nam: 2.000.000 đồng do bị cáo Huỳnh Thị S giao nộp là số tiền thu lợi bất chính từ việc bán số đề.

- Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Dương Thị Kiều N phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa: Bị cáo N và S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đánh bạc, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG đã truy tố. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phần nói lời sau cùng bị cáo N và S trình bày: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố RG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Do muốn có nhiều tiền để tiêu xài. Vào khoảng đầu tháng 01/2019, Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S bàn với nhau là S sẽ đi bán số đề về giao phối lại cho N để hưởng tiền hoa hồng, còn N sẽ ăn thua với những người mua số đề trong phối đề S giao. Vào ngày 25/01/2019, Huỳnh Thị S bán số đề của hai đài Trà Vinh và Vĩnh Long được tổng cộng số tiền là 5.985.000 đồng, trong đó có bà Danh Thị P mua bao lô số 25 đài Trà Vinh và Vĩnh Long, mỗi đài 500 đồng, tổng số tiền mua là 15.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 55 phút, Huỳnh Thị S sử dụng tài khoản Zalo tên “Sau Tam” gửi hình phối đề cho tài khoản Zalo tên M của Dương Thị Kiều N với số tiền người mua số đề trong phối đề là 5.985.000 đồng và N đã nhấn lại cho S biết đã nhận phối đề xong. Do người mua còn thiếu lại tiền nên S chỉ giao cho N tiền bán số đề là 3.000.000 đồng, S nhận được tiền hoa hồng là 370.500 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi N đang đứng trước trụ điểm lặc tài xỉu tại số 117/13/50A, đường Q T, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang thì bị Công an thành phố RG mời làm việc và phát hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra N và S thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, bị cáo Huỳnh Thị S và Dương Thị Kiều N khai nhận, cũng với hình thức, thủ đoạn nêu trên, trước khi bị phát hiện trung bình mỗi ngày S bán số đề giao phối cho N số tiền thấp nhất khoảng 1.000.000 đồng, cao nhất khoảng 4.000.000 đồng nhưng không liên tục do S bị bệnh nên có ngày bán, ngày nghỉ. S được hưởng tiền hoa hồng tổng cộng khoảng 2.000.000 đồng. Trong thời gian nhận phối đề của S thì N không có lời mà bị thua lỗ nhưng không xác định được cụ thể số tiền bao nhiêu.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S đã thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc như đã nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người làm chứng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, tổng số tiền mà các bị cáo bán số đề vào ngày 25/01/2019 là 5.985.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo bị cáo Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

*[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, được thua bằng tiền hay hiện vật mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và thu lợi bất chính một cách nhanh chóng, các bị cáo đã bất chấp những quy định của pháp luật và hậu quả xảy ra để thực hiện bằng được hành vi phạm tội; hành vi đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, gây mất an ninh tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây phát sinh nhiều tệ nạn xã hội, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

*[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo N và S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; đồng thời bị cáo S đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

*[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.*

Xét thấy, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự xem xét cho các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

*[6]* Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố RG về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*[7]* Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn và không có mức thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

*[8]* Đối với Danh Thị P đã có hành vi đánh bạc (mua số đề) nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố RG đã xử phạt hành chính đúng theo quy định của pháp luật, nên HĐXX miễn xét.

*[9] Về các vấn đề khác:*

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại OPPO, màu trắng, số IMEI: 869125024163359 của bị cáo Dương Thị Kiều N dùng vào việc phạm tội và Tiền Việt Nam: 2.000.000 đồng do bị cáo Huỳnh Thị S giao nộp là số tiền thu lợi bất chính. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 82/QĐ-VKS, ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố RG.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Dương Thị Kiều N phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo N và S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thị Kiều N 18 tháng (mười tám tháng) cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân của bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không có mức thu nhập ổn định. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Dương Thị Kiều N cho Ủy ban nhân dân phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị S 12 tháng (mười hai tháng) cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập cá nhân của bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không có mức thu nhập ổn định. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Huỳnh Thị S cho Ủy ban nhân dân phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

**2. Về vật chứng và xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại OPPO, màu trắng, số IMEI: 869125024163359 của bị cáo Dương Thị Kiều N dùng vào việc phạm tội.

+ Tiền Việt Nam: 2.000.000đ (Hai triệu đồng) số tiền thu lợi bất chính do bị cáo Huỳnh Thị S giao nộp.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 82/QĐ-VKS, ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố RG.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Dương Thị Kiều N phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

**3. Án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Dương Thị Kiều N và Huỳnh Thị S, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

**4. Quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Cơ quan THA Dân sự TP. RG;
- Công an TP. RG;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Tấn Nghĩa**